

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44A/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T, xã Tân H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện Vĩnh T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do trong cuộc sống có nhiều quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất

đồng ý kiến, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 người con chung là cháu Trần Nhất M, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Bích N, giới tính nữ, sinh ngày 01/10/2017 (hiện nay cháu M và cháu N đang sống cùng chị L), chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/2/2022 của anh Trần Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác định vợ chồng kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/12/2013, do anh là con trai út trong gia đình nên chung sống với cha mẹ. Khi cưới xong, vợ chồng anh sinh sống tại ấp 14, xã Vĩnh Thuận một thời gian, sau đó vợ chồng đi Bình Dương làm thuê đến khi chị L sinh con thì trở về ấp 14, xã Vĩnh Thuận. Anh P xác định vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2021 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Từ tháng 06/2021 vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay, hiện tại chị L sống cùng cha mẹ vợ tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, Cái Nước, Cà Mau. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh xin hàng gượng.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Nhất M, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Bích N, giới tính nữ, sinh ngày 01/10/2017, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, hiện các con chung đang chung sống cùng chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị L được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao cháu Trần Nhất M, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Bích N, giới tính nữ, sinh ngày 01/10/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh P không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị L yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh P kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh P đã có thời gian chung sống hạnh phúc, từ tháng 6/2021 cho đến nay chị L và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn được nên chị L trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Phiên hòa giải ngày 11/02/2022 tại Tòa án, anh P và chị L cả hai đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, anh P thay đổi xin được hàn gắn nhưng không được chị L chấp nhận. Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện cho chị L và anh P đoàn tụ nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị L được ly hôn với anh P.

[4] *Về con chung:* Chị L và anh P đều có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là cháu M và cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các con chung hiện đang chung sống với chị L cuộc sống được đảm bảo. Mặc khác biên bản xác minh tại địa phương xác định chị L có đủ điều kiện nuôi con, còn anh P

sống cùng cha mẹ ruột của anh về điều kiện kinh tế của anh P không ổn định, còn gia đình anh thuộc hộ khó khăn, chị L có điều kiện kinh tế nuôi con, các con từ trước đến nay do chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao cháu M và cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu M và cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L, anh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị L là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhất M, giới tính nam, sinh ngày 24/5/2016 và cháu Trần Bích N, giới tính nữ, sinh ngày 01/10/2017 cho chị Nguyễn Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng (cháu M và cháu N hiện đang sống với chị L), anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003632 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị L đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Hưng (nơi đăng ký kết hôn);
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng